

Số: **43** /NQ-HĐND

Nam Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về đề nghị phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-KT-XH ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 với những nội dung chính như sau:

1. Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 117,121 tỷ đồng, chi tiết gồm các nguồn:

- | | |
|--|--------------------------------|
| 1.1. Nguồn vốn XDCB tập trung: | 22,125 tỷ đồng. |
| 1.2. Nguồn thu mới tỉnh cấp lại: | 3,596 tỷ đồng. |
| 1.3. Nguồn khai thác quỹ đất và tiền sử dụng đất: | 5 tỷ đồng. |
| 1.4. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư: | 86,4 tỷ đồng. |
| <i>a. Nguồn cải cách tiền lương</i> | <i>62,5 tỷ đồng; trong đó:</i> |
| - Hỗ trợ các công trình Trung tâm hành chính huyện: | 30 tỷ đồng. |
| - Phát triển sự nghiệp Y tế đến 2020: | 2,5 tỷ đồng. |
| - Phát triển KT-XH các xã biên giới (NQ 16/TW): | 12 tỷ đồng. |
| - Hỗ trợ sắp xếp dân cư theo Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND: | 18 tỷ đồng. |
| <i>b. Nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi</i> | <i>23,9 tỷ đồng; trong đó:</i> |
| - Chương trình kiên cố hoá kênh mương: | 0,5 tỷ đồng. |
| - Chương trình Thuỷ lợi nhỏ: | 2,9 tỷ đồng. |
| - Các dự án trọng điểm khác theo chủ trương của tỉnh: | 20,5 tỷ đồng. |

(Kèm theo Phụ lục số 01)

2. Danh mục đầu tư công 2019 chưa được bố trí vốn: Dự kiến tổng mức đầu tư 64,862 tỷ đồng, gồm Chương trình 30a; Chương trình 135; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo Phụ lục số 02)

Điều 2. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân huyện phân giao vốn đầu tư công năm 2019 cho các ngành, địa phương theo Nghị quyết này; đồng thời, quản lý, điều hành dự toán vốn đầu tư công theo đúng các quy định của Nhà nước.

- Trong quá trình chỉ đạo điều hành, nếu có những phát sinh cấp bách cần phải điều chỉnh, bổ sung thì Ủy ban nhân dân huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện để điều chỉnh, bổ sung.

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện phân bổ, quản lý điều hành vốn các chương trình mục tiêu của Trung ương, của tỉnh chưa được phân bổ từ đầu năm để thực hiện theo đúng mục tiêu của Trung ương, tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên cùng phối hợp triển khai tuyên truyền, động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XI;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Chơ Rum Nhiên



PHỤ LỤC SỐ 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Nam Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Luỹ kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	380,480	127,817	117,121	
A	Nguồn XDCB tập trung	143,319	60,730	22,125	
I	Đối ứng trung tâm hành chính huyện tại thị trấn Thạnh Mỹ	52,880	24,568	5,526	
1a	Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Nam Giang; hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền, nhà ăn, nhà công vụ.	10,762.33	5,761	526	
2a	Sân ủi mặt bằng bố trí đất xây dựng cho các cơ quan hành chính sự nghiệp và ngành dọc huyện Nam Giang (giai đoạn 2); hạng mục: Lô HC5, HC6, HC7, HC9, TDC 20 và CC4.	14,863	2,000	3,000	
3a	Sân nền Khu thương mại - dịch vụ thuộc khu quy hoạch trung tâm hành chính (mới) tại thị trấn Thạnh Mỹ, ký hiệu lô từ TM7, TM8, TM11, TM13	7,891	2,307	2,000	
II	Các công trình trọng điểm tại thị trấn Thạnh Mỹ	66,588	19,841	14,000	
a	Công trình hoàn thành	31,185	18,091	5,500	
1	Chợ Thạnh Mỹ; Hạng mục: Nhà chợ chính	8,217	5,612	1,500	
2	Sân vận động huyện Nam Giang; hạng mục: Sân nền	9,961	6,520	1,500	
3	Sân nền Chợ Thạnh Mỹ + Khu tái định cư khu phố chợ Thạnh Mỹ	2,195	1,009	500	
4	Đường vào sân vận động huyện Nam Giang (Giai đoạn 3)	10,812	4,950	2,000	
b	Công trình chuyển tiếp	6,500	1,750	2,000	
1	Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới (trước Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện)	5,000	1,750	1,500	
2	Đường vào Trường tiểu học Thạnh Mỹ (mới)	1,500	500	500	
c	Công trình khởi công mới	28,903		6,500	
1	Kè chống sạt lở sau trụ sở Huyện uỷ và Trung tâm Hội nghị huyện	3,000		1,000	

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
2	Khu Tái định cư thôn Mực, thị trấn Thạnh Mỹ	7,500		2,000	
3	Đường vào thôn Pà Dương, thị trấn Thạnh Mỹ	3,500		1,000	
4	Sân, đường nội bộ UBND huyện	1,500		500	
5	Sân nền tái định cư khu C và khu D (Đường vào sân vận động)	1,500		500	
6a	Khu khai thác quỹ đất quanh sân vận động	3,000		1,000	
7a	Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch	8,903		500	
III	Các công trình còn lại sử dụng ngân sách huyện	23,851	16,321	2,599	
a	<i>Thanh toán khối lượng công trình hoàn thành</i>	22,634	15,921	2,199	
1	Trường mẫu giáo Za Ra	1,667	1,022	300	Đã duyệt QT
2	Trụ sở UBND xã Đắc Pring; HM: Hội trường	1,948	1,300	200	
3	Trường Tiểu học La Dêê (Điểm trường Kông Tờ Ron)	1,470	845	200	
4	Bãi đỗ xe + Nhà WC khu du lịch thác Grăng	1,069	947	100	Đã duyệt QT
5	Sân vận động Thạnh Mỹ	3,378	2,957.780	200	
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thạnh Mỹ 3, thị trấn Thạnh Mỹ	947	700	100	
7	Trụ sở UBND xã Tà Pơơ; HM: Kè chắn đất	684	400	100	
8	Đường GTNT thôn Dung, thị trấn Thạnh Mỹ	305	150	100	
9	Trường tiểu học Thạnh Mỹ; HM: Nhà ăn, nhà công vụ, nhà xe, tường rào, sân vườn	4,530	2,900	399	
10	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Chợ Chun	6,635	4,700	500	
b	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	1,217	400	400	

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
11	San nền tái định cư khu A và khu B (Đường vào sân vận động); Hạng mục: San nền và công trình phụ trợ	1,217	400	400	
B	Nguồn thu mới tính cấp lại	11,352	1,000	3,596	
12a	Đối ứng: Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới huyện Nam Giang (Nút N4-N54)	6,352	500	1,000	Huyện đ/ư NQ 39/TW
13a	Đối ứng: Đường giao thông từ La La và Đắc Tà Vâng đến xã chia tách Đắc Tỏi	2,500	500	1,000	Huyện đ/ư
14	Thủy lợi Suối A Lươn	2,500		1,596	
C	Khai thác quỹ đất	21,307	12,426	5,000	
1	Đường giao thông nội bộ khu tái định cư thôn Thanh Mỹ 2, thị trấn Thanh Mỹ.	8,995	6,030	1,500	
2	Chợ Thanh Mỹ: Hạng mục: Nhà lồng chợ.	1,500		500	
7b	Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch			1,000	
3	Đường vào sân vận động huyện Nam Giang (Giai đoạn 3)	10,812	4,950	1,000	
12b	Đối ứng: Đường giao thông khu trung tâm hành chính (mới) huyện Nam Giang (các nhánh tuyến theo quy hoạch)		946	500	
13b	Đối ứng: Đường giao thông từ La La và Đắc Tà Vâng đến xã chia tách Đắc Tỏi		500	500	
D	Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư	204,502	53,661	86,400	-
I	Nguồn cải cách tiền lương	148,130	52,561	62,500	-
I.1	Đầu tư các dự án trọng điểm tại Trung tâm hành chính huyện	110,230	52,561	30,000	
1a	Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Nam Giang (Giai đoạn I).	30,237.670	23,000	1,800	NS tỉnh tối đa
1b	Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Nam Giang; hạng mục: Nhà ăn, nhà công vụ, nhà bảo vệ, kệ và mương thoát nước, đường giao thông nội bộ, tường rào, cổng ngõ, nhà xe. (CV chủ trương 134/HDND-VP-22/5/2018; TMĐT 10,693 tỷ)	10,762.330	5,761	1,632	NS tỉnh tối đa

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Luỹ kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
2a	Trụ sở làm việc Huyện uỷ Nam Giang	24,005.432	15,300	6,700	NS tỉnh tối đa
2b	Trụ sở làm việc Huyện uỷ Nam Giang; hạng mục: Nhà ăn, nhà công vụ, nhà bảo vệ, kè và mương thoát nước, đường giao thông nội bộ, tường rào, cổng ngõ, nhà xe, (Chi phí chuẩn bị đầu tư)			200	
3a	Sản phẩm mặt bằng bố trí đất xây dựng cho các cơ quan hành chính sự nghiệp và ngành dọc huyện Nam Giang (Giai đoạn 1), ký hiệu lô từ HC5 đến HC11 và TDC20	9,793.680	7,500	668	
4	Trụ sở Ủy ban mặt trận TQVN huyện	25,438.037	500	13,500	NS tỉnh tối đa
5	Trung tâm Hội nghị huyện.	9,993	500	5,500	NS tỉnh tối đa
I.2	Phát triển sự nghiệp Y tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025	4,500	-	2,500	
1	Trạm Y tế xã Đắc Pring	4,500		2,500	
I.3	Phát triển kinh tế-xã hội các xã biên giới (NQ 16/TW)	33,400	-	12,000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>				
1	Đường ra vùng sản xuất thôn Côn Zốt 1, Côn Zốt 2, xã Chợ Chun	2,500		1,250	
2	Trường tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun (điểm trường thôn Côn Zốt 1); Hạng mục: 02 phòng học	1,500		750	
3	Trường THCS xã La ÊÊ; Hạng mục: 10 phòng học + 4 phòng chức năng.	7,000		2,000	
4	Cầu BTCT Đol Cầm thôn Công Tờ Rơn 2	2,000		2,000	
5	Kè chống sạt lở trụ sở UBND xã và trường mẫu giáo xã Đắc Tôi	2,500		1,500	
6	Trường tiểu học Đắc Tôi; Hạng mục: tường rào cổng ngõ, sân nền	1,500		500	
7	Cầu treo qua vùng sản xuất thôn 56b xã Đắc Pre	2,000		1,000	
8	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất (giai đoạn 2)	5,000		1,000	
9	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất xã Đắc Pring (giai đoạn 1)	8,400		1,000	
10	Sửa chữa, nâng cấp, nước sinh hoạt thôn 49A, xã Đắc Pring	1,000		1,000	

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Đường ô tô đến trung tâm xã Chợ Chun, huyện Nam Giang	45,000		18,000	
2	Trường PTDTNT huyện Nam Giang; hạng mục: Xây mới khối nội trú 10 phòng và Khối nhà hiệu bộ	4,500		2,500	

TT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Luỹ kế vốn đã bố trí	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I.4	Hỗ trợ sắp xếp dân cư theo Nghị quyết số 12/2017/HĐND và Nghị quyết số 31/HĐND	-	-	18,000	
1	Chà Vài	10 hộ di dời = 800; 17 hộ chỉnh trang = 340		1,140	
2	Đắc Pring	12 hộ di dời = 960; 20 hộ chỉnh trang = 400		1,360	
3	La Dêê	15 hộ di dời = 1.200; 18 hộ chỉnh trang = 360		1,560	
4	Đắc Tôi	12 hộ di dời = 960; 17 hộ chỉnh trang = 340		1,300	
5	Đắc Pre	25 hộ di dời = 2.000; 18 hộ chỉnh trang = 360		2,360	
6	La ÊÊ	6 hộ di dời = 480; 10 hộ chỉnh trang = 200		680	
7	Chơ Chun	20 hộ di dời = 1.600; 20 hộ chỉnh trang = 400		2,000	
8	Tà Pơơ	11 hộ di dời = 880; 18 hộ chỉnh trang = 360		1,240	
9	Thạnh Mỹ	10 hộ di dời = 800; 5 hộ chỉnh trang = 100		900	
10	Cà Dy	22 hộ di dời = 1.760; 20 hộ chỉnh trang = 400		2,160	
11	Tà Bhing	15 hộ di dời = 1.200; 20 hộ chỉnh trang = 400		1,600	
12	Zuôich	17 hộ di dời = 1.360; 17 hộ chỉnh trang = 340		1,700	
II	Nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi	56,372	1,100	23,900	-
II.1	Các dự án đủ điều kiện giao vốn	6,872	1,100	3,400	
	Kiên cố hóa kênh mương	650	-	500	
1	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi khe Ga Ghiêr, xã La Dêê	650		500	
	Thủy lợi nhỏ	6,222	1,100	2,900	
2	Thủy lợi Pà Lăng - xã Chơ Chun	2,572.099	1,100	1,200	Chuyển tiếp 2017
3	Nâng cấp thủy lợi Đắc Ngọt, xã La ÊÊ	650		500	KC mới
4	Thủy lợi Đắc Pi, thôn Đắc Chờ Đây, xã La Dêê	3,000		1,200	KC mới
II.2	Các dự án chưa đủ thủ tục (sẽ phải hoàn chỉnh thủ tục và giao vốn sau)	49,500	-	20,500	



PHỤ LỤC SỐ 02

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 CHƯA ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Nam Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án/công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Ghi chú
	TỔNG SỐ	64,862	
I	Chương trình 30a	25,300	
1	Đường bê tông thôn Đắc Chờ Đây-thôn Đắc Pênh	4,000	
2	Đường ra vùng sản xuất các thôn xã Đắc Tôi (Giai đoạn 1)	2,000	
3	Đường ra vùng sản xuất xã Đắc Pre (Giai đoạn 1)	2,000	
4	Đường ra vùng sản xuất thôn Rô xã Cà Dy	5,500	
5	Thủy lợi Suối A Lươn, thôn Côn Zốt 1 xã Chơ Chun; Hạng mục: Đập dâng, kênh tưới và công trình trên kênh	1,900	
6	Trường mẫu giáo Cà Dy (điểm trường chính); Hạng mục: 04 phòng học	1,800	
7	Cải tạo trụ sở cũ UBND huyện và UBMTTQ huyện để giao cho trường THCS liên xã Cà Dy – Tà Bỉnh	3,800	
8	Trường tiểu học Tà Bỉnh, điểm trường chính; Hạng mục: Nhà ăn học sinh + WC giáo viên + 02 phòng thư viện	4,300	
II	Chương trình 135	24,100	
1	Đường giao thông thôn Rô, xã Cà Dy	2,400	
2	Đường giao thông thôn Pà Păng xã Cà Dy (Giai đoạn 2)	2,200	
3	Đường giao thông thôn Cà Đàng xã Tà Bỉnh (Giai đoạn 2)	2,900	
4	Đường giao thông thôn Lơ Bơ B, xã Chà Vål (Giai đoạn 3)	1,800	
5	Đường giao thông thôn Đắc Pênh, xã La Dê (Giai đoạn 2)	2,200	
6	Đường giao thông thôn Đắc Ngọt, xã La ÊÊ (Giai đoạn 3)	2,800	
7	Đường giao thông thôn A Xò, xã Chơ Chun (Giai đoạn 3)	3,100	
8	Đường giao thông thôn 56B, xã Đắc Pre (Giai đoạn 2)	3,000	
9	Đường giao thông ra cánh đồng A Chong, xã Tà Bỉnh	1,700	

TT	Tên dự án/công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Ghi chú
10	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn 49B, xã Đắc Pring	1,000	
11	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn Công Dồn, xã Zuôih	1,000	
III	Chương trình Nông thôn mới	15,462	
1	Hệ thống nước sinh hoạt liên thôn Pà Ia – Pà Xua – Pà Rông xã Tà Bhing (Giai đoạn 2)	3,378	
2	Trường PTDTBT THCS liên xã La Dêê -Đắc Tôi; Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp nhà ở học sinh bán trú, nhà vệ sinh, nhà ăn học sinh, tường rào, sân nền.	1,737	
3	Tường rào, sân bê tông, bếp ăn, nhà vệ sinh, nhà xe trường mẫu giáo Cà Dy tại 2 điểm trường thôn Pà Căng, Pà Dồn	1,543	
4	Nhà văn hoá thôn Pà Tôi, xã Tà Pơ	700	
5	Trường mẫu giáo Đắc Tôi; Hạng mục: Nhà vòm sảnh chính + Nhà bếp + nhà xe, + Tường rào, sân nền.	2,643	
6	Trường mẫu giáo xã Đắc Pre (điểm trường thôn 57): Hạng mục: Tường rào, mương thoát nước, sân nền	1,728	
7	Trường Tiểu học liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; Hạng mục: Phòng công vụ, nhà ăn + Sân nền , mương thoát nước, tường rào	1,690	
8	Tường rào sân bê tông, mương thoát nước, nhà xe trụ sở UBND xã Zuôich	1,084	
9	Trụ sở UBND xã Chơ Chun; Hạng mục: Khối hội trường	2,400	
10	Trường Tiểu học liên xã La ÊÊ - Chơ Chun; Hạng mục: 03 Phòng công vụ, nhà ăn + Sân nền , mương thoát nước, tường rào	1,937	